

**TỔNG CÔNG TY
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
Vietnam Airlines JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

Số/No: 1008/CV-TCTHK-VP

Hà Nội, ngày/day 26 tháng/month 6 năm/year 2025

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ
CHANGE IN PERSONNEL**

*(Mẫu dùng cho các trường hợp bổ nhiệm và/hoặc miễn nhiệm/từ nhiệm
Applied to cases of appointment and/or dismissal/resignation)*

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà
Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange**

Căn cứ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 04/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 25/06/2025 và Nghị quyết HĐQT số 1061/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 25/06/2025, của Tổng công ty Hàng không Việt nam - CTCP (TCTHK), chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi nhân sự của TCTHK như sau:

Based on General Mandate No 04/NQ-HĐQT/TCTHK dated 25/06/2025 and Board Resolution No. 1061/NQ-HĐQT/TCTHK dated 25/06/2025 of Vietnam Airlines JSC, we would like to announce the change in personnel of Vietnam Airlines JSC as follows:

Trường hợp bổ nhiệm/In case of appointment (*):

1. Ông/Mr.: Đặng Ngọc Hòa

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: 05 năm kể từ ngày 25 tháng 06 năm 2025
- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 25/06/2025

2. Ông/Mr.: Lê Hồng Hà

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT
- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Tổng giám đốc, Thành viên HĐQT

- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: 05 năm kể từ ngày 25 tháng 06 năm 2025

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 25/06/2025

3. Ông/Mr: Tạ Mạnh Hùng

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Thành viên HĐQT

- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên HĐQT

- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: 05 năm kể từ ngày 25 tháng 06 năm 2025

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 25/06/2025

4. Ông/Mr: Lê Trường Giang

- Chức vụ trước khi bổ nhiệm/*Former position in the organization*: Thành viên HĐQT

- Chức vụ được bổ nhiệm/*Newly appointed position*: Thành viên HĐQT

- Thời hạn bổ nhiệm/*Term*: 05 năm kể từ ngày 25 tháng 06 năm 2025

- Ngày bắt đầu có hiệu lực/*Effective date*: 25/06/2025

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/06/2025 tại đường dẫn/*This information was published on the company's website on 26/06/2025 (date), as in the link <https://www.vietnamairlines.com/vn/vi/vietnam-airlines/investor-relations>*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

- Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thay đổi nhân sự;

Board Resolution and General Mandate on the change in personnel.

- Danh sách người có liên quan (Phụ lục II - Danh sách người nội bộ và những người có liên quan)

List of related persons (Appendix II - List of insiders and their related persons).

- TGD (đề b/c);

- KTNB, TT, VP, PC;

- Lưu: VT, VP

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

Legal representative/Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Kim Thị Thu Huyền

**TỔNG CÔNG TY
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

*Căn cứ Điều lệ hiện hành của Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
("Vietnam Airlines");*

*Căn cứ Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 được Đại
hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua ngày 25/6/2025;*

*Căn cứ Tờ trình số 1046/TTr-TCTHK-HĐQT ngày 24/6/2025 về việc thông qua
bộ tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2025;*

*Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thông
qua ngày 25/6/2025.*

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP
QUYẾT NGHỊ:**

Điều 1. Về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2025

1. Thông qua một số chỉ tiêu Kế hoạch sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công
ty mẹ - Vietnam Airlines năm 2025 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH2025	KH2025/ TH2024
1.	Khách vận chuyển	Triệu khách	25,4	111,6%
2.	Tấn vận chuyển có doanh thu (RTK- Revenue Tonne Kilometer)	Tỷ tấn.km	4,89	112,3%
3.	Doanh thu công ty mẹ	Tỷ đồng	93.283	110,4%
4.	Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ	Tỷ đồng	4.168	149,6%

2. Thông qua Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2025: Tổng mức đầu tư phát triển không vượt quá 2.090 tỷ đồng. Việc triển khai các dự án đầu tư phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định pháp luật, đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

3. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Vietnam Airlines: Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu điều hành sản xuất kinh doanh, được quyền xem xét, điều chỉnh Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 (nếu cần thiết), nhằm đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả sử dụng nguồn lực, thích ứng linh hoạt trước các biến động khó lường của kinh tế thế giới; báo cáo ĐHĐCĐ tại kỳ họp gần nhất về kết quả thực hiện.

Điều 2. Về Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận

1. Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập với các chỉ tiêu chính như sau:

ĐVT: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	CÔNG TY MẸ	HỢP NHẤT
I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (31/12/2024)		
A. Tổng cộng tài sản	49.461	58.187
1. Tài sản ngắn hạn	8.233	17.338
2. Tài sản dài hạn	41.228	40.849
B. Tổng cộng nguồn vốn	49.461	58.187
1. Nợ phải trả	55.063	67.531
2. Vốn chủ sở hữu	(5.602)	(9.344)
Trong đó:		
- Vốn góp của chủ sở hữu	22.144	22.144
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	(29.747)	(33.614)
II. KẾT QUẢ HĐKD NĂM 2024		
1. Tổng doanh thu và thu nhập	84.478	112.707
Trong đó: Doanh thu hoạt động SXKD, doanh thu tài chính	83.764	107.208
2. Tổng chi phí SXKD, tài chính và khác	81.690	104.361

CHỈ TIÊU	CÔNG TY MẸ	HỢP NHẤT
Trong đó: Chi phí hoạt động SXKD, chi phí tài chính	81.474	104.080
3. Lãi/(Lỗ) trong công ty liên kết		70
4. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	2.290	3.199
5. Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	2.787	8.416
- Chi phí thuế thu nhập hiện hành	12	390
- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		68
6. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN	2.775	7.958
Trong đó:		
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của Công ty mẹ		7.564
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của CĐ không kiểm soát		394

Trường hợp cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra kết luận có sự điều chỉnh về các chỉ tiêu có liên quan đến kết quả sản xuất, kinh doanh, chỉ tiêu trong báo cáo tài chính năm 2024, ĐHĐCĐ giao Hội đồng quản trị Vietnam Airlines điều chỉnh các chỉ tiêu theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

2. Thông qua việc không phân phối lợi nhuận năm tài chính 2024 nhằm tập trung nguồn lực cho phục hồi tài chính, đảm bảo cân đối dòng tiền và nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới.

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Báo cáo đánh giá của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị Vietnam Airlines năm 2024 (*Chi tiết nêu tại Tờ trình số 1046/TTr-TCTHK-HĐQT ngày 24/6/2024 của HĐQT*).

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Vietnam Airlines, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên năm 2024 (*Chi tiết nêu Tờ trình số 1046/TTr-TCTHK-HĐQT ngày 24/6/2024 của HĐQT*).

Điều 5. Về Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 và kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

1. Thông qua kết quả thực hiện quỹ tiền lương, thù lao năm 2024 của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát với tổng số tiền là **6.216,8** triệu đồng, trong đó:

- Quỹ tiền lương: 5.411,9 triệu đồng
- Quỹ thù lao: 804,9 triệu đồng

2. Thông qua Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát là **9.432** triệu đồng, trong đó:

- Quỹ tiền lương: 8.184 triệu đồng
- Quỹ thù lao: 1.248 triệu đồng

3. Đại hội ủy quyền Hội đồng quản trị phân phối quỹ tiền lương, thù lao năm 2025 của Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Nếu có sự thay đổi về số lượng Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên cũng như thời gian làm việc trong năm, thì quỹ tiền lương, thù lao sẽ được thay đổi tương ứng.

Điều 6. Thông qua Báo cáo cập nhật của Đề án cơ cấu lại Vietnam Airlines giai đoạn đến hết năm 2025 (*Chi tiết nêu tại Tờ trình số 1046/TTr-TCCHK-HĐQT ngày 24/6/2024 của HĐQT*). ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt Đề án cơ cấu lại Vietnam Airlines giai đoạn đến hết năm 2025, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung chi tiết của Đề án và báo cáo ĐHCĐ kết quả triển khai.

Điều 7. Về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Vietnam Airlines

1. Thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh theo chi tiết tại Phụ lục I đính kèm.

2. Thông qua việc sửa đổi Điều 5, Điều 29, Điều 41 Điều lệ Vietnam Airlines theo chi tiết tại Phụ lục II đính kèm.

Điều 8. Về việc bổ nhiệm lại các thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông qua kết quả bầu lại ông Đặng Ngọc Hòa (CCCD số 025072000351) làm Thành viên Hội đồng quản trị Vietnam Airlines với nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 25/6/2025.

2. Thông qua kết quả bầu lại ông Lê Hồng Hà (CCCD số 001072092645) làm Thành viên Hội đồng quản trị Vietnam Airlines với nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 25/6/2025.

3. Thông qua kết quả bầu lại ông Tạ Mạnh Hùng (CCCD số 033072001572) làm Thành viên Hội đồng quản trị Vietnam Airlines với nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 25/6/2025.

4. Thông qua kết quả bầu lại ông Lê Trường Giang (CCCD số 024067006666) làm Thành viên Hội đồng quản trị Vietnam Airlines với nhiệm kỳ 05 năm kể từ ngày 25/6/2025.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Vietnam Airlines biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/6/2025.

3. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Trưởng các Cơ quan, Đơn vị và toàn thể cổ đông Vietnam Airlines chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền, tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật và Điều lệ Vietnam Airlines./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Bộ Tài chính;
- UBCKNN, HOSE, VSDC;
- Lưu: VT, VP.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Đặng Ngọc Hòa

Phụ lục I

THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA VIETNAM AIRLINES

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

Không có

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

Không có

3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp doanh nghiệp thông báo thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
1	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (loại trừ hoạt động đấu giá và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)	4791	
2	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác như bán trực tiếp hoặc	4799	

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính <i>(Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)</i>
	chuyển phát theo địa chỉ, bán thông qua máy bán hàng tự động ... (loại trừ hoạt động đấu giá và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)		
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Chi tiết: (i) Hoạt động hàng không chung (bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội); (ii) Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác; (iii) kinh doanh dịch vụ thương mại, du lịch (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam), khách sạn, bán hàng miễn thuế trực tuyến và tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên tàu bay, tại các tỉnh, thành phố (loại trừ Thực hiện quyền xuất khẩu,	5223	

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
	quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối); (iv) Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa, trong thành phố và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay; các dịch vụ khác phục vụ hành khách, hàng hóa đi, đến và chuyển tiếp của các hàng hàng không nội địa và quốc tế; (v) Triển khai các chương trình liên quan đến tích lũy, quy đổi, phân phối, giao dịch mua bán dặm, thẻ Khách hàng thường xuyên và các sản phẩm liên quan đến chương trình Khách hàng thường xuyên.		
4	Đại lý môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ	4610	

TT	Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai)
	đưa khách vào du lịch Việt Nam)		
5	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan Chi tiết: Xuất, nhập khẩu tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước để phục vụ vận chuyển hàng không của Vietnam Airlines; Thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, thiết bị huấn luyện và các trang thiết bị khác phục vụ dây chuyền vận tải hàng không	3030	
6	In ấn Chi tiết: in bao bì (trừ các loại hình Nhà nước cấm)	1811	
7	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động (loại trừ Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng)	7830	
8	Bưu chính Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bưu chính (loại trừ dịch vụ bưu chính công ích)	5310	

Phụ lục II

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VIETNAM AIRLINES

1. Sửa đổi, bổ sung một số Khoản tại Điều 5

a) Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 như sau:

“2. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: (i) Hoạt động hàng không chung (bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội); (ii) Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác; (iii) kinh doanh dịch vụ thương mại, du lịch (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam), khách sạn, bán hàng miễn thuế trực tuyến và tại khu cách ly ở cửa khẩu quốc tế sân bay, trên tàu bay, tại các tỉnh, thành phố (loại trừ Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối); (iv) Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa, trong thành phố và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay; các dịch vụ khác phục vụ hành khách, hàng hóa đi, đến và chuyển tiếp của các hàng hàng không nội địa và quốc tế; (v) Triển khai các chương trình liên quan đến tích lũy, quy đổi, phân phối, giao dịch mua bán dặm, thẻ Khách hàng thường xuyên và các sản phẩm liên quan đến chương trình Khách hàng thường xuyên.”

b) Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 như sau:

“6. Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan: Xuất, nhập khẩu tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, các trang thiết bị phục vụ dây chuyền vận tải hàng không và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước để phục vụ vận chuyển hàng không của Vietnam Airlines; Thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không, thiết bị huấn luyện và các trang thiết bị khác phục vụ dây chuyền vận tải hàng không.”

c) Sửa đổi, bổ sung Khoản 11 như sau:

“11. Đại lý môi giới, đầu giá hàng hóa: Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài (doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ

đưa khách vào du lịch Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của dịch vụ đưa khách vào du lịch Việt Nam).

d) Sửa đổi, bổ sung Khoản 14 như sau:

“14. In ấn: in bao bì (trừ các loại hình nhà nước cấm).”

e) Sửa đổi, bổ sung Khoản 18 như sau:

“18. Cung ứng và quản lý nguồn lao động (loại trừ Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).”

f) Bổ sung nội dung sau vào cuối Khoản 34, 35: *“(loại trừ hoạt động đấu giá và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)”*.

g) Bổ sung nội dung sau vào cuối Khoản 37: *“(loại trừ dịch vụ bưu chính công ích)”*.

2. Thay thế cụm từ “*dự hợp*” bằng cụm từ “*tham dự và biểu quyết tại cuộc họp*” tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 29.

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 41 như sau:

“2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIETNAM AIRLINES và pháp luật có liên quan”.

**TỔNG CÔNG TY
HÀNG KHÔNG VIỆT NAM**

Số: 1061/NQ-HĐQT/TCTHK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**V/v: Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng công ty
Hàng không Việt Nam - CTCP**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2025;

Căn cứ Tờ trình số 1049/TCTHK-TCNL ngày 25/06/2025 về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng công ty của Nhóm người đại diện vốn nhà nước tại TCTHKVN;

Căn cứ vào Biên bản phiên họp HĐQT số 08/2025/BB-HĐQT/TCTHK ngày 25/6/2025,

QUYẾT NGHỊ:

Hội đồng quản trị nhất trí:

- Bầu ông Đặng Ngọc Hòa, TV HĐQT Tổng công ty Hàng không Việt Nam giữ chức Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Hàng không Việt Nam từ ngày 25/06/2025.
- Bổ nhiệm ông Lê Hồng Hà, TV HĐQT Tổng công ty Hàng không Việt Nam giữ chức Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng không Việt Nam từ ngày 25/06/2025.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Tổng giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Các PTGD;
- Thư ký TCT;
- TCNL; PC; VP
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Đặng Ngọc Hòa

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ nhiệm ông Lê Hồng Hà kiêm giữ chức Tổng Giám đốc
Tổng công ty Hàng không Việt Nam

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP**

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Hàng không Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 1061/NQ-HĐQT/TCTHK ngày 25 tháng 6 năm 2025
của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng không Việt Nam;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm ông Lê Hồng Hà, Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng không Việt Nam kiêm giữ chức Tổng Giám đốc Tổng công ty Hàng không Việt Nam.

Điều 2. Thời gian giữ chức vụ là 05 năm kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2025.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Tổng công ty Hàng không Việt Nam và ông Lê Hồng Hà chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng quản trị;
- Ban KS, NPTQT-TKTCT;
- VP, TCĐU, TCNL, PC;
- Lưu VT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025 (05 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Đặng Ngọc Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2025

Hanoi, 25 June 2025

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*

- 1/ Họ và tên /Full name: Đặng Ngọc Hòa
- 2/ Giới tính/Sex: Nam
- 3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 31/10/1972
- 4/ Nơi sinh/Place of birth: Phú Thọ
- 5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): 025072000351
- Ngày cấp/Date of issue 14/09/2018 Nơi cấp/Place of issue Cục cảnh sát
- 6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam 7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: 20A ngõ 121, Thái Hà, Hà Nội
- 9/ Số điện thoại/Telephone number: 0913059794
- 10/ Địa chỉ email/Email: hoadn@vietnamairlines.com
- 11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an institution subject to information disclosure Rules: Chủ tịch HĐQT
- 12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in others companies: Không
- 13/ Số CP nắm giữ: 444.493.370 CP, chiếm 20,07 % vốn điều lệ, trong đó:/Number of shares in possession 444.493.370 shares , accounting for 20, 07 % of registered capital, of which:
- + Đại diện sở hữu:/Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution):
Cổ đông nhà nước (Bộ Tài chính) là 444.471.775. CP
- + Cá nhân sở hữu/ Possess for own account: 21.595 CP
- 14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other commitment of holding shares (if any): Không

15. Danh sách người có liên quan của người khai*/List of related persons of 15/ Danh sách người có liên quan của người khai*/List of related persons of declarant:

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/internal person	Type of documents (ID/Passport/Business Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Place of issue	Address/ Head office address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/internal person	Time the person ceased to be an affiliated person/internal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1		Đỗ Thị Hải			Mẹ đẻ		130251685	8/11/2008		Park 3, Time City, Hà Nội						
2		Nguyễn Thị Ngọc Hiền			Mẹ vợ	Hộ chiếu	C9965292	6/1/2022		31A Phố Huế, Hoàn Kiếm, Hà Nội						
3		Trần Văn Anh			Vợ	CCCD	001174041112	27/09/2021		20A ngõ 121 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội						
4		Đặng Khánh Vy			Con	CMND	C9096172	26/03/2020		20A ngõ 121 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội						
5		Đặng Vy Lê			Con	Hộ chiếu	C8891594	22/05/2020		20A ngõ 121 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội						
6		Đặng Văn Minh			Anh Trai	CMND	23185244	22/03/2010		8/10 Lê Thánh Tôn, Quận 1, TP Hồ Chí Minh						
7		Đặng Văn Khánh			Anh Trai	CNND	130895218	19/06/2012		124 Thanh Miếu, Việt Trì, Phú Thọ						
8		Đặng Thị Kim Thanh			Chị gái	CMND	12028012	12/4/1997		Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội						
9		Đặng Thị Hồng Lý			Chị gái	CMND	13088131	10/6/2018		Park 3, Time City, Hà Nội						
10		Bộ Tài chính			Đại diện vốn NN					Hà Nội						

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019

Related persons are stipulated in Article 4, paragraph 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any)*: không có

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflict interest with public company, public fund (if any)*: không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

(Ký, ghi rõ họ tên)
(*Signature, full name*)



Đặng Ngọc Hòa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày tháng ... năm 2025

Hanoi,th June year 2025

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*

1/ Họ và tên /Full name: Lê Hồng Hà

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 20/02/1972

4/ Nơi sinh/Place of birth: Hà Nội

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): 001072092645

Ngày cấp/Date of issue 01/12/2021

Nơi cấp/Place of issue: CA TP Hà Nội

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: 134 Quán Thánh, quận Ba Đình, Hà Nội

9/ Số điện thoại/Telephone number: 0903444342

10/ Địa chỉ email/Email: halehong@vietnamairlines.com

11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an institution subject to information disclosure Rules: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.

12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in others companies:
Không

13/ Số CP nắm giữ: 333.437.753 CP, chiếm 15,06 % vốn điều lệ, trong đó:/Number of shares in possession 333.433.061 shares , accounting for 15,06% of registered capital, of which:

+ Đại diện sở hữu:/Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution):

Cổ đông nhà nước là 333.424.742 CP

+ Cá nhân sở hữu/ Possess for own account: 13.011 CP

14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other commitment of holding shares (if any):

15/ Danh sách người có liên quan của người khai*/List of related persons of declarant:

St t	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
N o.	Securit ies symbol	Name	Securit ies tradin g accoun ts (if availa ble)	Positio n at the compa ny (if availa ble)	Relationship with the company/int ernal person	Type of documents (ID/Passport/B usiness Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Plac e of issu e	Addre ss/ Head office addres s	Number of shares owned at the end of the period	Percent age of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/inte rnal person	Time the person ceased to be an affiliated person/inte rnal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Lê Hồng Sơn			Bố đẻ	CCCD	00104500 4123	24/04/2 021	Cục Căn h sát QL HC	134 Quán thánh, ba đình, Hà Nội						

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019
Related persons are stipulated in Article 4, paragraph 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019

St t	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
N o.	Securit ies symbol	Name	Securit ies tradin g accoun ts (if availa ble)	Positio n at the compa ny (if availa ble)	Relationship with the company/int ernal person	Type of documents (ID/Passport/B usiness Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Plac e of issu e	Addre ss/ Head office addres s	Number of shares owned at the end of the period	Percent age of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/inte rnal person	Time the person ceased to be an affiliated person/inte rnal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
									về TTX H							
2		Võ Thị Lệ Mỹ			Mẹ đẻ	CCCD	05214800 0096	24/04/2 021	Cục CS QL HC về trật tự XH	134 Quán thánh, ba đình, Hà Nội						

St t	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
N o.	Securit ies symbol	Name	Securit ies tradin g accoun ts (if availa ble)	Positio n at the compa ny (if availa ble)	Relationship with the company/int ernal person	Type of documents (ID/Passport/B usiness Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Plac e of issu e	Addre ss/ Head office addres s	Number of shares owned at the end of the period	Percent age of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/inte rnal person	Time the person ceased to be an affiliated person/inte rnal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
3		Lê Đình Lương			Bố vợ	CCCD	00104100 1334	25/4/20 21	Cục CS QL HC về trật tự XH	E1301, CC Golde n Westla ke, 151TK , Thụy Khê, Tây Hồ, Hà Nội						

St t	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
N o.	Securit ies symbol	Name	Securit ies tradin g accoun ts (if availa ble)	Positio n at the compa ny (if availa ble)	Relationship with the company/int ernal person	Type of documents (ID/Passport/B usiness Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Plac e of issu e	Addre ss/ Head office addres s	Number of shares owned at the end of the period	Percent age of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/inte rnal person	Time the person ceased to be an affiliated person/inte rnal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
4		Nguyễn Thị Nga			Mẹ vợ	CCCD	03814600 0431	25/4/20 21	Cục CS QL HC về trật tự XH	E1301, CC Golde n Westla ke, 151TK , Thụy Khê, Tây Hồ, Hà Nội						

St t	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
N o.	Securit ies symbol	Name	Securit ies tradin g accoun ts (if availa ble)	Positio n at the compa ny (if availa ble)	Relationship with the company/int ernal person	Type of documents (ID/Passport/B usiness Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Plac e of issu e	Addre ss/ Head office addres s	Number of shares owned at the end of the period	Percent age of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/inte rnal person	Time the person ceased to be an affiliated person/inte rnal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
5		Lê Như Minh			Vợ	CCCD	00117502 9117	24/04/2 021	Cục CS QL HC về trật tự XH	P2606, Chung cư Estella , 20 Núi trúc, Ba Đình, HN						
6		Lê Hồng Nam			Con trai	CCCD	00109702 8073	24/04/2 021	Cục CS QL HC về trật	P2606, Chung cư Estella 20 Núi trúc,						

St t	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
N o.	Securit ies symbol	Name	Securit ies tradin g accoun ts (if availa ble)	Positio n at the compa ny (if availa ble)	Relationship with the company/int ernal person	Type of documents (ID/Passport/B usiness Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Plac e of issu e	Addre ss/ Head office addres s	Number of shares owned at the end of the period	Percent age of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/inte rnal person	Time the person ceased to be an affiliated person/inte rnal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
									tự XH	Ba Đình , HN						
7		Lê Minh Tuấn			Con trai	CCCD	00109702 8073	24/04/2 021	Cục CS QL HC về trật tự XH	P2606, Chung cư Estella , 20 Núi trúc, Ba Đình, HN						
8		Đình Quan			Em rể	CCCD	00106101 2222	23/4/20 22	Cục CS QL	46 Châu Long,						

St t	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
N o.	Securit ies symbol	Name	Securit ies tradin g accoun ts (if availa ble)	Positio n at the compa ny (if availa ble)	Relationship with the company/int ernal person	Type of documents (ID/Passport/B usiness Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Plac e of issu e	Addre ss/ Head office addres s	Number of shares owned at the end of the period	Percent age of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/inte rnal person	Time the person ceased to be an affiliated person/inte rnal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
		g Thái							HC về trật tự XH	Ba Đình, Hà Nội						
9		Lê Hong Vân			Em gái	CCCD	00117501 8168	23/04/2 022	Cục CS QL HC về trật tự XH	46 Châu Long, Ba Đình, Hà Nội						

St t	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
N o.	Securit ies symbol	Name	Securit ies tradin g accoun ts (if availa ble)	Positio n at the compa ny (if availa ble)	Relationship with the company/int ernal person	Type of documents (ID/Passport/B usiness Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Plac e of issu e	Addre ss/ Head office addres s	Number of shares owned at the end of the period	Percent age of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/inte rnal person	Time the person ceased to be an affiliated person/inte rnal person	Reaso ns (whe n arisin g chang es relate d to sectio ns of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possess ion of a NSH No. and other notes)
10		Đào Lý Ngọc Huyề n				Con dấu	00630000 3769	05/06/2 025	Bộ Côn g An	Tổ 11C, Đức Xuân, Tp. Bắc Kạn, Bắc Kạn						
11		Bộ Tài chính								Hà Nội	333.424. 742	15,06				

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):* không có

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflict interest with public company, public fund (if any):* không có

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**



Lê Hồng Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2025

Hanoi, 25 June 2025

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh

To: - *The State Securities Commission*
- *The Stock Exchange*

1/ Họ và tên /Full name: **Tạ Mạnh Hùng**

2/ Giới tính/Sex: Nam

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: 19/02/1972

4/ Nơi sinh/Place of birth: Hưng Yên

5/ Số CCCD (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): 033072001572 Ngày cấp/Date of issue 02/05/2021 Nơi cấp/Place of issue Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

6/ Quốc tịch/Nationality: Việt Nam

7/ Dân tộc/Ethnic: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence: **Số nhà 26, Ngõ 11, Đường Tây Hồ, Quận Tây Hồ, Hà Nội**

9/ Số điện thoại/Telephone number: 0942685868

10/ Địa chỉ email/Email: tamanhhung@vietnamairlines.com

11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an institution subject to information disclosure Rules: Thành viên Hội đồng quản trị

12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in others companies:

Công ty TNHH MTV dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam.

13/ Số CP nắm giữ: 222.256.491, chiếm 10,04093% vốn điều lệ, trong đó:/Number of shares in possession 222.256.491, accounting for 10,04093% of registered capital, of which:

+ Đại diện sở hữu:/Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution):
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước là 222.235.887 CP

+ Cá nhân sở hữu/ Possess for own account: 20.604 CP

14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other commitment of holding shares (if any):

15. Danh sách người có liên quan của người khai*/List of related persons of 15/ Danh sách người có liên quan của người khai*/List of related persons of declarant:

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/internal person	Type of documents (ID/Passport/Business Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Place of issue	Address/ Head office address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/internal person	Time the person ceased to be an affiliated person/internal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1		Lý Thị Thơ	002C133862		Vợ	CCCD	1169033610	10/5/2021	Cục cảnh sát	Số nhà 26, Ngõ 11, Đường Tây Hồ, Quận Tây Hồ, Hà Nội						
2		Tạ Hùng Minh			Con	CCCD	001209044296	07/11/2023	Cục cảnh sát	Số nhà 26, Ngõ 11, Đường Tây Hồ, Quận Tây Hồ, Hà Nội						
3		Tạ Hùng Quân			Con	còn nhò chưa có CMND				Số nhà 26, Ngõ 11, Đường Tây Hồ, Quận Tây Hồ, Hà Nội						
4		Tạ Thị Phong			Chị ruột	CCCD	033147001270	4/9/2019		Khu đô thị Ciputra, Hà Nội						
5		Nguyễn Văn Hòa			Anh rể	CCCD	033047001144	4/9/2019		Khu đô thị Ciputra, Hà Nội						
6		Tạ Thị Thoa			Chị ruột	CCCD	033154000301	15/8/2015		26 Nguyễn Xuân Bàng, Hoàng Mai, Hà Nội						
7		Vũ Văn Vân			Anh rể	CCCD	033054000342	15/8/2015		26 Nguyễn Xuân Bàng, Hoàng Mai, Hà Nội						
8		Tạ Đức Ân			Anh ruột	CCCD	033058002606	13/9/2018		Khu đô thị Garden City, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội						
9		Nguyễn Thị Minh			Chị dâu	CCCD	001159009521	24/3/2017		Khu đô thị Garden City, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội						
10		Tạ Thị Hiền			Chị ruột	Hộ chiếu	N1249829	19/10/2008		Định cư ở 01307, thành phố Dresden, CHLB Đức						
11		Vũ Hồng Sâm			Anh rể	Hộ chiếu	N1409343	3/10/2010		Định cư ở 01307, thành phố Dresden, CHLB Đức						
12		Tạ Thị Thu			Chị ruột	CCCD	033165000412	13/09/2017		Khu đô thị Garden City, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội						

Stt	Mã CK	Họ tên	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*)	Số Giấy NSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
No.	Securities symbol	Name	Securities trading accounts (if available)	Position at the company (if available)	Relationship with the company/internal person	Type of documents (ID/Passport/Business Registration Certificate)	(*) NSH No.	Date of issue	Place of issue	Address/ Head office address	Number of shares owned at the end of the period	Percentage of shares owned at the end of the period	Time the person became an affiliated person/internal person	Time the person ceased to be an affiliated person/internal person	Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
13		Tạ Thị Thành			Chị ruột	CMND	145089376	3/4/2010		Khu đô thị Garden City, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội						
14		Vũ Quang Hóa			Anh rể	CCCD	033064003588	9/12/2019		Khu đô thị Garden City, Thạch Bàn, Long Biên, Hà Nội						
15		Lý Đức Thành			Bố vợ	CMND	011175475	15/3/2012		31/46 Phạm Ngọc Thạch, Đông Đa, Hà Nội.						
16		Bộ Tài chính			Đại diện vốn NN					Hà Nội						
17		Công ty TNHH MTV dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam		Chủ tịch HĐQT												

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019

Related persons are stipulated in Article 4, paragraph 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any): Không*

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflict interest with public company, public fund (if any): Không*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)*

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Tạ Mạnh Hùng', is written over a horizontal line.

Tạ Mạnh Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

Hanoi, day month year 2025

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/CIRRICULLUM VITAE

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh

To: - *The State Securities Commission*
 - *The Stock Exchange*

- 1/ Họ và tên /Full name: **LÊ TRƯỜNG GIANG**
- 2/ Giới tính/Sex: **Nam**
- 3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth: **28 tháng 10 năm 1967**
- 4/ Nơi sinh/Place of birth: **Bắc Giang**
- 5/ Số CCCD /ID card No.: **024067006666**
- Ngày cấp/Date of issue **24/07/2021** Nơi cấp/Place of issue **Cục QLHC TTXH**
- 6/ Quốc tịch/Nationality: **Việt Nam** 7/ Dân tộc/Ethnic: **Kinh**
- 8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:
- Số 2 ngõ 9 Phố Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội**
- 9/ Số điện thoại/Telephone number: **(024) 38 732 732/ 2293**
- 10/ Địa chỉ email/ Email: **gianglt@vietnamairlines.com**
- 11/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/Current position in an institution subject to information disclosure Rules:
- Thành viên HĐQT Tổng công ty Hàng không Việt Nam**
- 12/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in others companies: **Chủ tịch HĐQT Công ty CP Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất**
- 13/ Số CP nắm giữ: 222.254.917 CP, chiếm 10,04% vốn điều lệ, trong đó:
/Number of shares in possession 222.254.917, accounting for 10,04 % of registered capital, of which:
- + Đại diện sở hữu:/ Possess on behalf of (State/strategic investor/other institution): **Cổ đông Nhà nước là 222.235.887 CP**
- + Cá nhân sở hữu/ Possess for own account: **19.030 cổ phiếu**
- 14/ Các cam kết nắm giữ (nếu có)/Other commitment of holding shares (if any):

15. Danh sách người có liên quan của người khai*/List of related persons of 15/ Danh sách người có liên quan của người khai*/List of related persons of declarant:

Stt No.	Mã CK Securities symbol	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading accounts (if available)	Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if available)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ Relationship with the company/ internal person	Loại hình Giấy NSH (*) Type of documents (ID/Passport/Busin ess Registration Certificate)	Số Giấy NSH (*) NSH No.	Ngày cấp Date of issue	Nơi cấp Place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address/ Head office address	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ Percentage of shares owned at the end of the period	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person became an affiliated person/internal person	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ Time the person ceased to be an affiliated person/internal person	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14) Reasons (when arising changes related to sections of 13 and 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác) Notes (i.e. not in possession of a NSH No. and other notes)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1		Phan Thị Cúc			Mẹ đẻ	CCCD	024145000024	18/01/2016		Số 2 ngõ 9 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, HN						
2		Lê Châu Giang			Con gái	CCCD	001193016259	8/7/2019		141 Hàng Bông, Hà Nội						
3		Lê Nam Giang			Con trai	Hộ chiếu	P03865888	17/01/2025		Sydney, Australia						
4		Lê Minh Giang			Con trai	Hộ chiếu	N1905371	3/4/2018		Sydney, Australia						
5		Lê Hà Giang			Em ruột	CMND	011369155	13/3/2010		Số 2 ngõ 9 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, HN						
6		Lê Hương Giang			Em ruột	CMND	011907847	5/10/2011		Số 2 ngõ 9 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, HN						
7		Ngô Thị Thanh Hòa			Em dâu	CMND	012073053	6/8/2013		Hà Nội						
8		Lê Thế Vinh			Em rể	CCCD	001071007854	21/3/2016		Hà Nội						
9		Thái Bá Nam			Con rể	CCCD	02509200014	10/7/2014		Hà Nội						
10		Bộ Tài chính			Đại diện vốn NN					Hà Nội						
11		Công ty CP Hàng hóa DV TCS		CT HĐQT	Tổ chức có liên quan					Hồ Chí Minh						

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019

Related persons are stipulated in Article 4, paragraph 46 of the Law on Securities dated 26th Nov 2019

16/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any)*: **không có**

17/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Conflict interest with public company, public fund (if any)*: **không có**

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this CV is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /
DECLARANT**

*(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature, full name)*



Lê Trường Giang